Vietnam Tariff Intelligence

HS 9832 detail

HS code	9832
Description	Xe cần cẩu thủy lực.
Unit	
Generated	10/11/2026 05:47:17
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9832/

20 tariff lines under 9832

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.10.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data
9832.90.00	Xe cần cẩu thủy lực. / - Loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện		22.5%	15%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.